

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 28/06/2024 | 17,000 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 13.8% | 25.9% |

| | | |
|------------|--------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 25.3% | +/- YoY ▲ 3.8% |

| | | | |
|-----------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 28.6 | QoQ ▲ 19.7 | YoY ▼ 2.40 |
| | | ▲ 223% | ▼ 7.8% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 37.4 | YoY ▼ 30.0 |
| | | ▼ 44.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 4.60 | QoQ ▲ 1.02 | YoY ▲ 0.66 |
| | | ▲ 28.6% | ▲ 16.9% |
| | tỷ VNĐ | | |

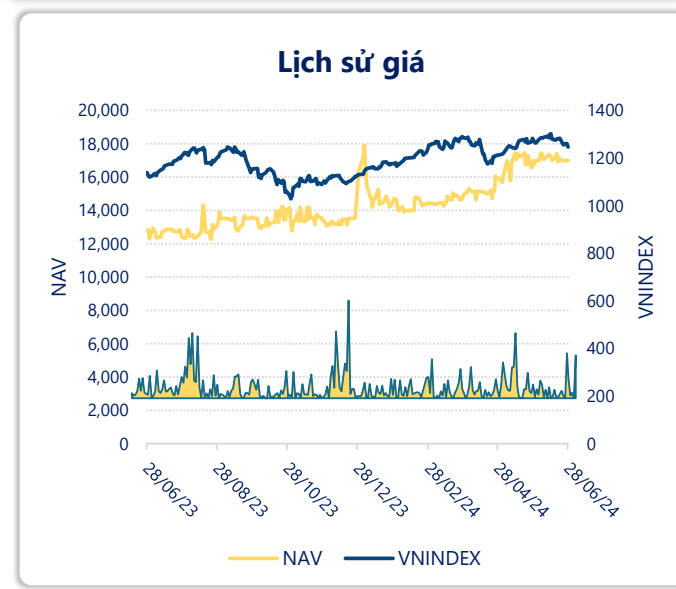
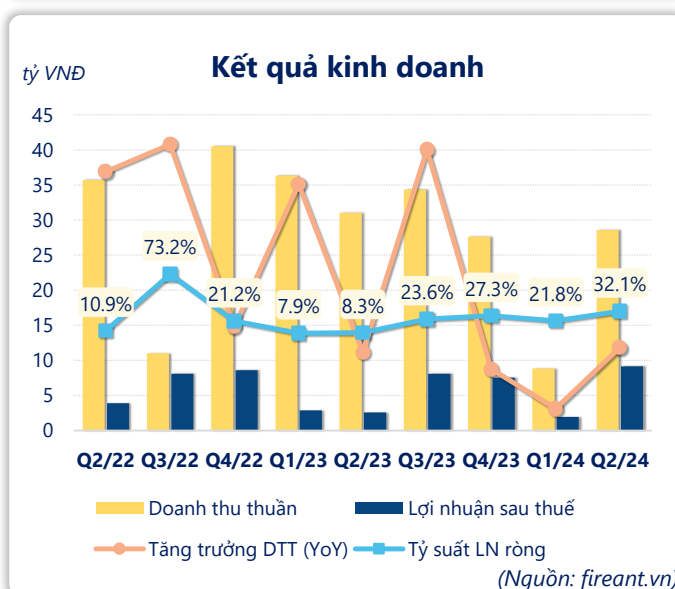
| | | |
|---------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 8.19 | YoY ▲ 0.01 |
| | | ▲ 0.1% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 9.74 | QoQ ▲ 7.33 | YoY ▲ 6.50 |
| | | ▲ 304% | ▲ 201% |
| | tỷ VNĐ | | |

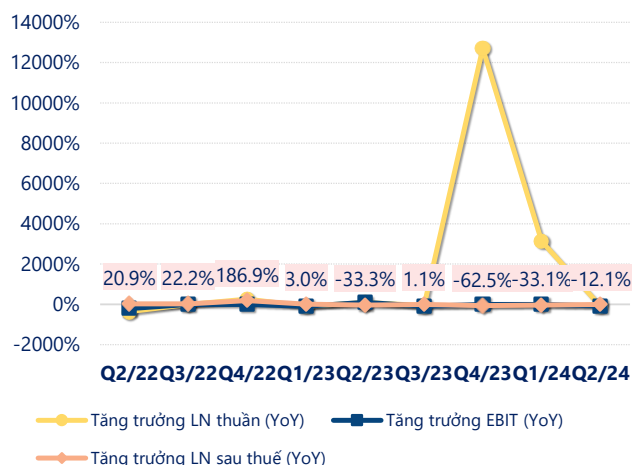
| | | |
|-----------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 12.2 | YoY ▲ 5.36 |
| | | ▲ 77.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 9.17 | QoQ ▲ 7.24 | YoY ▲ 6.58 |
| | | ▲ 375% | ▲ 254% |
| | tỷ VNĐ | | |

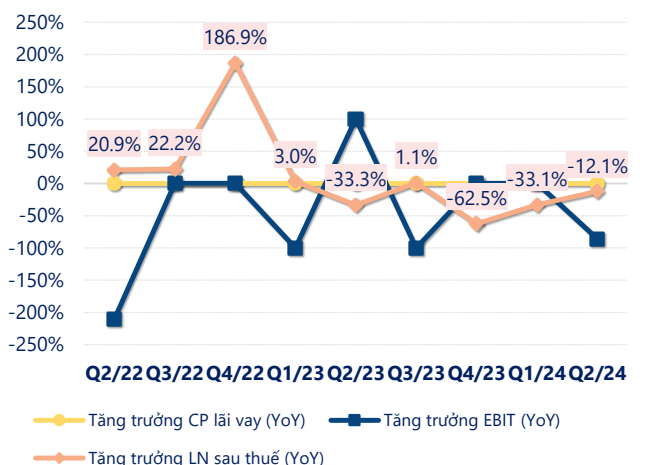
| | | |
|--------------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 11.1 | YoY ▲ 5.63 |
| | | ▲ 103% |
| | tỷ VNĐ | |



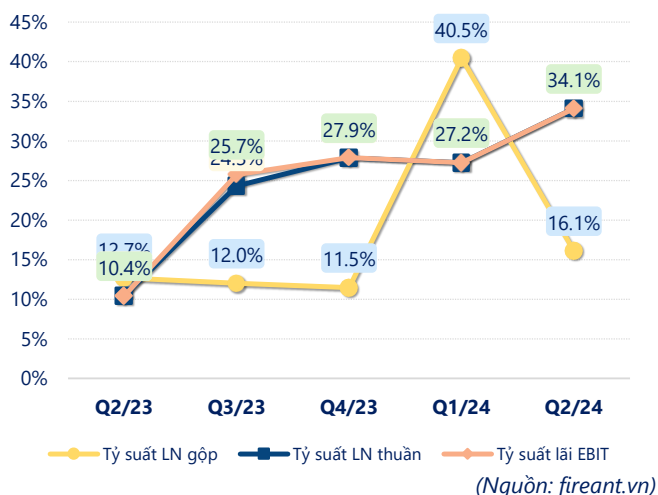
Tăng trưởng lợi nhuận



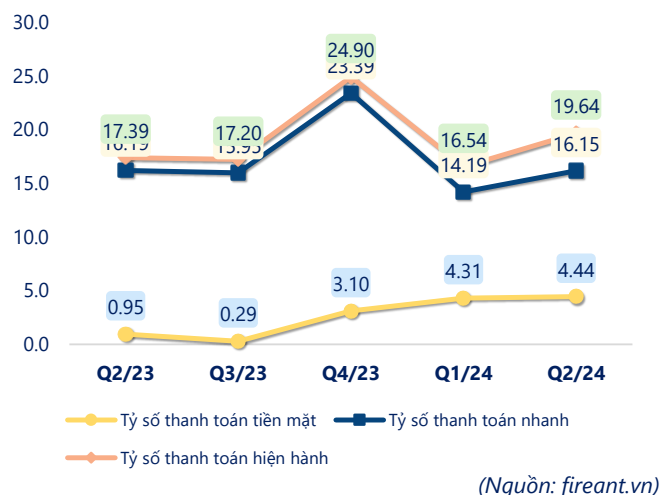
Tăng trưởng chi phí



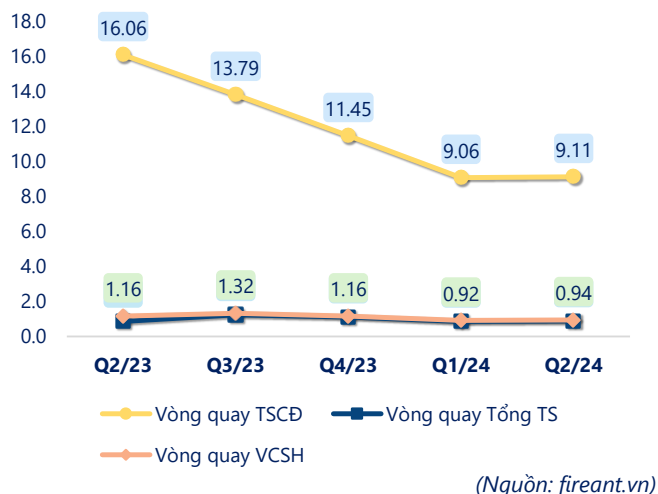
Tỷ suất lợi nhuận



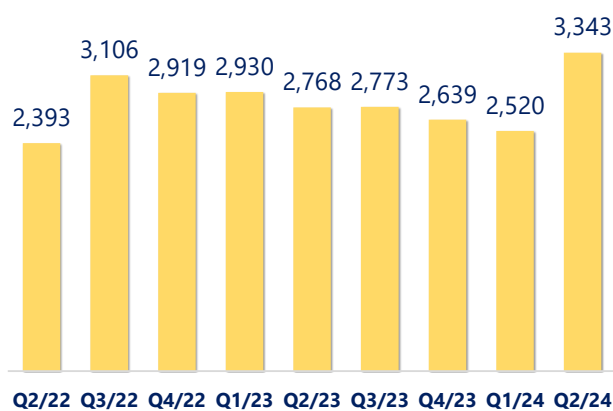
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 28.6 | 31.0 | -7.8% | 37.4 | 67.4 | -44.4% |
| Giá vốn hàng bán | 24.0 | 27.1 | -11.5% | 29.3 | 59.2 | -50.6% |
| Lợi nhuận gộp | 4.60 | 3.94 | 16.9% | 8.19 | 8.18 | 0.1% |
| Doanh thu HĐTC | 7.51 | 1.18 | 536% | 8.62 | 2.18 | 295% |
| Chi phí TC | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0.02 | 0.01 | 112% | 0.03 | 0.01 | 153% |
| Chi phí QLDN | 2.35 | 1.88 | 25.0% | 4.62 | 3.51 | 31.8% |
| LN thuần từ HĐKD | 9.74 | 3.24 | 201% | 12.2 | 6.84 | 77.7% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.00 | | 0.00 | 0.00 | 113% |
| LN trước thuế | 9.74 | 3.23 | 202% | 12.2 | 6.84 | 77.8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.17 | 2.59 | 254% | 11.1 | 5.47 | 103% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 9.17 | 2.59 | 254% | 11.1 | 5.47 | 103% |

(Nguồn: fireant.vn)

